TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 6 - 2025
V/v: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Lệ Thu

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Thể; Ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 108/2025/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2025/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 6 năm 2025 giữa:

- Họ tên nguyên đơn: Lê Thị T, sinh ngày: 10/5/1994; Địa chỉ thường trú: thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Địa chỉ tạm trú: thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Xin xét xử vắng mặt)

- Họ tên bị đơn: Nguyễn Đức M, sinh ngày: 08/3/1994; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện nay đang sinh sống tại: Nhật Bản (không rõ địa chỉ cụ thể) (Xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, chị Lê Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị T** và anh **Nguyễn Đức M** tự do tìm hiểu, đi đến hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22/7/2016 tại **UBND xã C**, **huyện C, tỉnh Hà Tĩnh**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau cùng với gia đình chồng. Năm 2021, anh **M** đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản cho đến nay chưa về nước lần nào. Do xa cách nên vợ chồng không còn tiếng nói chung, anh **M** thường xuyên ghen tuông nên

vợ chồng không còn hòa hợp được với nhau, từ tháng 4/2024 chị **T** về ngoại ở cho đến nay, từ đó anh **M** cũng không gửi tiền về cho chị **T** nuôi con và không liên lạc với nhau nữa. Mặt khác do khoảng cách địa lý vợ chồng mỗi người ở một nơi dẫn đến không còn tình cảm cũng như không quan tâm tới nhau. Nay chị **T** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc và không mong muốn duy trì cuộc sống hôn nhân nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là **Nguyễn Đức Thiện H** sinh ngày 08/3/2017 và **Nguyễn Lê Thanh T1** sinh ngày 30/4/2020. Hiện nay cháu **H** đang được ông **Nguyễn Đức D** là bố đẻ của anh **M** chăm sóc, còn cháu **T1** đang được chị **T** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị **T** và anh **M** thống nhất giao con chung **Nguyễn Đức Thiện H** cho anh **M** chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, cháu **Nguyễn Lê Thanh T1** do chị **T** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.Về cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi người nuôi một con chung nên chị **T** không yêu cầu anh **M** cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2025 anh **Nguyễn Đức M** *trình bày:*

Anh **Nguyễn Đức M** thống nhất với nội dung trình bày của chị **T** về việc kết hôn. Năm 2021, anh **M** đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản cho đến cuối tháng 5/2025 thì về nước. Do vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm phai nhạt dần, vợ chồng không nói chuyện với nhau, chỉ liên lạc để gặp con. Anh cũng nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nay chị **T** có yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung là **Nguyễn Đức Thiện H**, sinh ngày 08/3/2017 và **Nguyễn Lê Thanh T1**, sinh ngày 30/4/2020. Anh có nguyện vọng được nuôi cháu **Nguyễn Đức Thiện H** và giao cháu **Nguyễn Lê Thanh T1** cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do mỗi người đều nuôi một con chung nên anh **M** không yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra, anh **Nguyễn Đức M** đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt anh và gửi tài liệu về địa chỉ: **N, thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Áp dụng Điều 55, 57, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS năm 2015; khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, cụ thể:

- Về tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Lê Thị T** và anh **Nguyễn Đức M**

- Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự: giao cháu **Nguyễn Đức T2 H** sinh ngày 08/3/2017 cho anh **Nguyễn Đức M** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu **Nguyễn Lê Thanh T1** sinh ngày 30/4/2020 cho chị **T**

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị **T** và anh **M** được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị **Lê Thị T** tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị T trình bày hiện nay anh Nguyễn Đức M đang lao động tại Nhật Bản, không có địa chỉ cụ thể. Vì vậy, Tòa án đã đề nghị Cục Q cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Nguyễn Đức M và tại Công văn số 599/QLXNC – Đ1, ngày 14/5/2025 của Phòng QLXNC Công an tỉnh H cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Nguyễn Đức M, sinh ngày 08/3/1994 đã xuất cảnh ngày 10/4/2022 và nhập cảnh ngày 12/5/2025 qua sân bay Quốc tế N. Tại thời điểm Tòa án thụ lý ngày 16/4/2025, theo công văn của Cục Q Bộ C thì anh M hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước, đến ngày 12/5/2025 anh mới nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T và bị đơn anh Nguyễn Đức M đều xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Đức M tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 22/7/2016 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian. Đến năm 2021, anh M đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, do xa cách nên vợ chồng không còn tiếng nói chung, không còn hòa hợp được với nhau, từ tháng 4/2024 chị T về ngoại ở cho đến nay, từ đó anh M cũng không gửi tiền về cho chị T nuôi con và không liên lạc với nhau nữa. Mặt khác do khoảng cách địa lý vợ chồng mỗi người ở một nơi dẫn đến không còn tình cảm cũng như không quan tâm tới nhau. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc và không mong muốn duy trì cuộc sống hôn nhân nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống. Anh M cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung là **Nguyễn Đức Thiện H** sinh ngày 08/3/2017 và **Nguyễn Lê Thanh T1** sinh ngày 30/4/2020. Anh chị thống nhất giao cháu **Nguyễn Đức Thiện H** cho anh **M** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng con chung trên 7 tuổi nên cần chấp nhận; giao cháu **Nguyễn Lê Thanh T1** cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu **H** có nguyện vọng được sống với bố và ông nội. Chị **T** và anh **M** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa các đương sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều không còn tình cảm và đều mong muốn được ly hôn, các đương sự đã thống nhất các nội dung yêu cầu giải quyết về tình cảm,về con chung, về tài sản đúng pháp luật và tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội, nên cần chấp nhận.

[2.4]. Về án phí**:** Chị **Lê Thị T** tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, 57, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238 Bộ luật TTDS năm 2015; khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, cụ thể:

- Về tình cảm: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Lê Thị T** và anh **Nguyễn Đức M**

- Về con chung: ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự: giao cháu **Nguyễn Đức T2 H** sinh ngày 08/3/2017 cho anh **Nguyễn Đức M** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu **Nguyễn Lê Thanh T1** sinh ngày 30/4/2020 cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị **T** và anh **M** được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 000003835715 ngày 16/4/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) còn lại, chị T được nhận lại theo quy định.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm – TAND tối cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Cẩm Hưng, tỉnh Hà Tĩnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

Trương Thị Lệ Thu